

Bản án số: 134/2024/HS-ST
Ngày 17-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Chung và ông Nguyễn Tiến Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 125/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1977 tại xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: không; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1956 (đã chết); con bà Hứa Thị T2, sinh năm 1955; chồng: Phan Văn T3, sinh năm 1973; bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Vi Văn G, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (đã chết).

- Đại diện hợp pháp cho ông Vi Văn G:

+ Ông Vi Văn H, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Là con trai).

+ Bà Vi Thị L, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Là con gái).

+ Bà Vi Thị L1, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu Y, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Là con gái).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vi Thị Y, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Vi Văn C, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

+ Ông Phan Văn T3, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị T có giấy phép lái xe hạng A1 do sở giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 11/12/2019. Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 09/7/2024 Nguyễn Thị T điều khiển xe mô tô BKS: 98B1- 569.33 chở con trai là anh Phan Văn N đi từ nhà đến nhà mẹ đẻ của T, ở thôn N, xã T, huyện L để chơi. Khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô BKS: 98B1- 569.33 đi đến km 23+ 100m Quốc lộ C thuộc địa phận thôn N, xã T, huyện L. Lúc này T điều khiển xe với tốc độ khoảng 20 km/h và đi đúng phần đường bên phải theo chiều từ huyện L đi huyện L. Do trời tối, không có đèn đường, thì T phát hiện phía đường ngược chiều có 01 chiếc xe mô tô đang bật đèn chiếu xa, chuyển sang đèn chiếu gần, nên T cũng chuyển đèn xe mô tô của mình từ đèn chiếu xa sang chế độ đèn chiếu gần. Khi T vừa hạ đèn về chế độ chiếu gần thì T nhìn thấy ở phía trước cách xe mô tô của T khoảng 02m có ông Vi Văn G đang đi bộ sang đường (đi từ bên trái sang phía bên phải đường quốc lộ 31 theo chiều đi của T). Do khoảng cách quá gần nên T không kịp phanh xe, tránh nên đã đâm vào ông G làm cho ông G bị ngã ra đường. Sau đó T đã gọi người dân xung quanh ra đưa ông G đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa tỉnh B. Đến ngày 10/7/2024 ông G tử vong.

Sau khi xảy ra vụ tai nạn, Cơ quan điều tra Công an huyện L đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở của Nguyễn Thị T, kết quả là 0,00 mg/l; nồng độ cồn trong hơi thở của Vi Văn G là 0,641mg/l; Tạm giữ phương tiện là chiếc xe mô tô BKS: 98B1- 569.33.

** Kết quả khám nghiệm hiện trường, dựng lại hiện trường:*

Hiện trường xảy ra vụ tai nạn giao thông là tại Km 23+100, Quốc lộ C, thuộc thôn N, xã T, huyện L. Là đoạn đường thẳng, mặt đường rộng 11m, ở giữa có vạch kẻ đường màu vàng, nét đứt chia đường làm hai chiều rộng riêng biệt. Bên phải đường có lề đường mặt bê tông rộng 0,75m. Rãnh thoát nước rộng 1,3m. Là đoạn đường thẳng, buổi tối không có đèn đường.

Quá trình khám nghiệm, dựng lại hiện trường tiến hành theo hướng huyện L đi huyện L. Lấy cột mốc ký hiệu H2311 bên lề đường trái làm mốc chuẩn, lấy mép phải đường làm mép chuẩn. Ghi nhận dấu vết:

- Dấu vết cày xước (ký hiệu 1) trên mặt đường bên phải, dạng rời không liên tục. Điểm đầu (1) hướng Lục Ngạn cách mép chuẩn là 1,8m, cách vật mốc là 10,4 (m). Điểm cuối (1) hướng Lục Nam trùng với vị trí tay gương bên phải với mặt đường Quốc lộ 31. Cách mép chuẩn là 1,6m. Kích thước của (1) là (2,5x0,005)m.

- Xe mô tô biển kiểm soát 98B1-569.33 (ký hiệu số 2) ở trạng thái đổ nghiêng bên phải trên mặt đường bên phải. Đuôi xe hướng L, đầu xe hướng L. T4 trực sau xe mô tô cách mép chuẩn là 1,7m, cách dấu (1) là 1,55m, cách cột mốc là 11,2m. T4 trực trước xe mô tô cách mép chuẩn là 2,5m.

- Đôi giày màu đen (ký hiệu số 3), nằm bên trên mặt đường bên phải, cách mép chuẩn là 2,5m, cách dấu (1) là 0,8m.

- Phát hiện dấu vết máu (ký hiệu chữ M) kích thước (0,25x0,005)m trên mặt đường bên phải. Tâm M cách mép chuẩn là 2,9m, cách tâm trực trước là 0,7m.

- Rà soát xung quanh hiện trường xác định tại lề đất phải, hướng huyện L đi huyện L, vị trí Km 23+ 480m có 01 biển báo hiệu giao thông đường bộ, ký hiệu “W.207c” (Giao nhau với đường không ưu tiên).

** Tiến hành khám nghiệm phương tiện là chiếc xe mô tô BKS: 98B1-569.33, kết quả ghi nhận dấu vết:*

- Mặt trên phía trước chắn bùn bánh trước có diện mài sát sơn nhựa, không rõ chiều hướng, kích thước (21x08) cm.

- Phần giữa trước cánh yếm phải (dưới đèn xi nhan trước bên phải) có dấu vết mất bụi, mài xước nylon, kích thước (20x 7,5) cm, cao cách mặt đất 70,5 cm.

- Cạnh ngoài phía trên cánh yếm phải bị mài mòn sơn nhựa, kích thước (05x01) cm, cao cách mặt đất 81,5cm; chiều hướng từ trước về sau, từ trên xuống dưới.

- Cạnh ngoài phía dưới cánh yếm phải có vết mài mòn nhựa, kích thước (4,5x0,8) cm, cao cách mặt đất 34 cm.

- Mặt trước ốp nhựa cụm đèn chiếu sáng bên phải bị mài xước sơn nhựa, chiều hướng từ bên phải bị mài xước sơn nhựa, chiều hướng từ trước ra sau, kích thước (14x04)cm.

- Khuyết gương chiếu hậu phải, cần gương hỏng, phần cao su bọc chậu gương bị rách thủng nham nhở, kích thước (3,5x02) cm.

- Tay phanh bị chùn cong hướng từ trên xuống dưới, đầu phía trước bị mài sát kim loại, kích thước (1,5x1,5) cm.

- Đế chân trước chân phải bị chùn cong, hướng từ trước về sau, mặt trước bị rách cao su, kích thước (2,5x02) cm.

- Đầu kim loại đế chân sau bên phải bị mài xước, kích thước (2,5x0,1) cm.

- Đầu trên cánh yếm bên trái bị bật chốt khỏi vị trí cố định, đầu trước có vết mài trượt, bám dính chất màu đỏ, kích thước (5,5x1,5) cm, chiều hướng từ dưới lên trên, từ trước về sau, cách mặt đất 69cm, phía dưới cánh yếm bị bung bật nhựa khỏi vị trí cố định.

- Mặt ngoài 1/2 bên phải trước chắn bùn trước (phía ngoài giảm sóc trước bên trái) có vết mất bụi, in hình các đường song song dạng hình vân vải, kích thước (06x05) cm, cao cách mặt đất 49,5cm.

** Kết quả khám nghiệm tử thi Vi Văn G:*

Các dấu vết tổn thương trên cơ thể:

- Vùng đầu có tóc đen điểm bạc cắt ngắn, hai mắt khép kín đồng tử hai bên giãn to. Hai lỗ tai khô, hai lỗ mũi và khoang miệng có ít dịch.
- Mặt sau trong khuỷu chân trái có dấu hiệu tím da, kích thước (04 x03) cm.
- Mặt sau 1/3 giữa đùi phải dấu hiệu tím, xước sát da mỏng, kích thước (04x02)cm.
- Vùng chân phải có dấu hiệu sưng nề, bầm tím, sâu sát rách da, kích thước (06x05)cm. Vết rách da bờ mép nhám nhỏ.
- Vùng ngực phải có 02 vết rách da kích thước lần lượt (04x03) cm, (03x2,5)cm.
- Kiểm tra các cơ quan khác không phát hiện dấu vết tổn thương.
- Phẫu tích vết thương vùng chẩm phải thấy: Bầm tụ máu tổ chức dưới da, có vị trí tương ứng, đường vỡ dọc xương hộp sọ phần đo đặc được dài 3,5 cm, qua đường vỡ máu đỏ vẫn chảy ra ngoài.

Ngày 10/7/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu giám định xác định nguyên nhân chết của ông Vi Văn G. Tại kết luận giám định tử thi số 1764 ngày 10/8/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: *“Trên cơ thể Vi Văn G có các tổn thương sưng nề, bầm tím, sâu sát rách và tím da tập trung tại vùng đầu, ngực, hai chi dưới.*

- Phẫu tích vết rách vùng chẩm phải: Bầm tụ máu tổ chức dưới da, cơ vị trí tương ứng; đường vỡ dọc xương hộp sọ vùng đỉnh- chẩm phải đo được dài 3,5cm, qua đường vỡ máu đỏ vẫn chảy ra ngoài.

Kết luận: Nguyên nhân chết của ông Vi Văn G do chấn thương sọ não: Vỡ xương hộp sọ vùng đỉnh- chẩm.

- Cơ chế hình thành dấu vết, thương tích:

Các tổn thương sưng nề, bầm tím, sâu sát, rách và tím da được hình thành do tác động với vật tày, các hình dạng và diện tiếp xúc khác nhau theo nhiều chiều hướng tạo nên. Trong đó, tổn thương vỡ dọc xương hộp sọ vùng đỉnh chẩm được hình thành do tiếp xúc với vật tày, lực tác động mạnh lên”.

Ngày 07/8/2024 Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định cơ chế hình thành dấu vết, chiều hướng, tư thế va chạm trên mặt đường, tốc độ của xe mô tô khi va chạm. Tại kết luận giám định số 1884/KL-KTHS ngày 30/8/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

“1. Dấu vết vỡ, trượt xước sơn nhựa, bám dính chất màu đỏ và in hằn các đường song song ở mặt ngoài ốp nhựa giảm sóc trước bên trái và cánh yếm bên trái của xe mô tô biển kiểm soát 98B1 - 569.33 (ảnh 13, 14, 16 bản ảnh khám nghiệm phương tiện) được hình thành do va chạm với vật tày có bề mặt là vải sợi (như cơ thể người mặc quần áo) tạo nên.

Dấu vết trượt xước nhựa, cao su kim loại, bám dính chất màu trắng, hướng từ trước ra sau ở bên phải của xe mô tô biển kiểm soát 98B1 - 569.33 gồm: tay phanh, cần gương chiếu hậu, đầu tay nắm, đế chân trước, đế chân sau, cánh yếm, ống xả (ảnh 10, 11, 12 bản ảnh khám nghiệm phương tiện) được hình thành do va chạm với vật tày cứng không nhẵn, như mặt đường tạo nên. Các dấu tạo vết trên phù hợp với

quá trình xe mô tô đổ nghiêng phải rê trượt trên mặt đường nên dấu vết cày xước ký hiệu số 1.

2. Không xác định được vị trí va chạm giữa xe mô tô biển kiểm soát 98B1 - 569.33 với người đi bộ trên mặt đường.

3. Căn cứ chiều hướng dấu vết trên phương tiện và hiện trường, xác định tại thời điểm xảy ra tai nạn xe mô tô BKS: 98B1- 569.33 chuyển động thẳng theo hướng huyện L đi huyện L”.

Như vậy căn cứ vào bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, biên bản khám nghiệm phương tiện, kết luận giám định, lời khai của Nguyễn Thị T thì nguyên nhân chính xảy ra tai nạn giao thông đường bộ nêu trên là do Nguyễn Thị T điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 98B1- 569.33 tham gia giao thông không chú ý quan sát, không nhường đường cho người đi bộ qua đường, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn đã vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật giao thông đường bộ, khoản 6 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ G1.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Nguyễn Thị T đã bồi thường cho gia đình ông Vi Văn G số tiền 100.000.000 đồng. Đại diện gia đình ông G đã nhận số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị can.

Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô BKS: 98B1 - 569.33, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên chủ xe là Phan Văn T3, sinh năm 1973, trú tại thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (chồng T). Ngày 09/10/2024 Cơ quan điều tra đã tiến hành xử lý vật chứng trả lại cho ông T3.

Đối với 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Thị T, Cơ quan điều tra chuyển xử lý cùng vụ án.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 129/CT-VKS ngày 19/11/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, bị cáo không bị oan. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T trình bày: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối hận, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã phát biểu lời luận tội đối với bị cáo, phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho UBND xã Đ, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 241080246904 mang tên Nguyễn Thị T.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi và quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trước cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Nguyễn Thị T có giấy phép lái xe hạng A1 do sở giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 11/12/2019. Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 09/7/2024, khi T điều khiển xe mô tô BKS: 98B1- 569.33 đi đến km 23+ 100m Quốc lộ C thuộc địa phận thôn N, xã T, huyện L với tốc độ khoảng 20 km/h và đi ở phần đường bên phải theo chiều đi của T. Do Nguyễn Thị T điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 98B1- 569.33 tham gia giao thông không chú ý quan sát, không nhường đường cho người đi bộ qua đường, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn đã lao vào ông Vi Văn G làm cho ông G bị ngã ra đường. Ông G được người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh B. Do vết thương nặng nên ông G bị chết ngày 10/7/2024.

[3] Xét tính chất của vụ án: Vụ án này có 01 bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm hại đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tổn thất lớn về tinh thần cho gia đình bị hại, đồng thời gây hoang mang, lo lắng cho những người tham gia giao thông khi đi

qua khu vực này. Do vậy, đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi gây tai nạn bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 100.000.000 đồng. Gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường gì khác và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo T. Bên cạnh đó, bị hại cũng có một phần lỗi trong quá trình tham gia giao thông khi không quan sát trước khi sang đường. Do vậy, cần áp dụng Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Bản thân bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù giam, mà cho bị cáo hưởng mức án nhẹ là phạt tiền cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của P.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tội phạm do bị cáo thực hiện, lẽ ra phải áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Tuy nhiên, HĐXX thấy bị cáo thực sự ăn năn hối cải, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo thấy rõ được trách nhiệm của mình nên đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 100.000.000 đồng. Gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường gì khác. Hội đồng xét xử thấy việc bồi thường là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên cần ghi nhận sự tự nguyện này, do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô BKS: 98B1 - 569.33, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên chủ xe là Phan Văn T3 là của ông Phan Văn T3. Ngày 09/10/2024, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả cho ông Phan Văn T3, ông T3 đã nhận và không có ý kiến gì, HĐXX xét thấy cần chấp nhận.

Đối với 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 241080246904 mang tên Nguyễn Thị T do Sở giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 11/12/2019 mang tên Nguyễn Thị T, cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T, HĐXX xét thấy cần chấp nhận.

(Vật chứng của vụ án như trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam).

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Quyền kháng cáo: Bị cáo; đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Áp dụng*: Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

2. *Xử phạt*: Bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

3. *Về vật chứng*: Căn cứ Điều 106 BLTTHS.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 241080246904 mang tên Nguyễn Thị T do Sở giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 11/12/2019 mang tên Nguyễn Thị T.

(Vật chứng của vụ án như trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam).

4. *Về án phí*: Căn cứ Điều 135, 136 - BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 331, 332 và 333- BLTTHS

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi Cục THADS huyện Lục Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Oanh